

ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 8**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Đáp án đề 8****Câu 1 (0.5 điểm)****Câu 1.** Chỉ ra yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong văn bản. (0,5đ)**Phương pháp:**

Đọc kỹ văn bản

Chú ý các yếu tố tự sự và trữ tình

Lời giải chi tiết:

- Học sinh chỉ ra được ít nhất 01 yếu tố tự sự và 01 yếu tố trữ tình. Chẳng hạn:

+ Yếu tố tự sự: “Đó là những sân phơi trải đầy lúa vàng, tụi con nít vẫn hay đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân để lúa mau khô, những bước chân nhỏ xinh in ngang dọc trên đệm lúa vàng. Chúng bước nhanh thật nhanh để tránh cái nắng trên đầu và cái nóng hừng hực dưới chân.”

+ Yếu tố trữ tình: “Tôi thương cái mùi rom rạ quê mình. Nó cứ thoang thoảng rồi loang dần, quấn chặt vào sống mũi.”

Câu 2 (0.5 điểm)**Câu 2.** Phân tích tác dụng của việc kết hợp hai yếu tố trữ tình trong các đoạn (3), (4), (5) của văn bản. (0,5đ)**Phương pháp:**

Dựa vào phân liệt kê 2 yếu tố

Lời giải chi tiết:

- Tác dụng của việc kết hợp hai yếu tố đó:

+ Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt;

+ Vừa giúp tái hiện những kí ức tuổi thơ gắn với cánh đồng quê, vừa bộc lộ trực tiếp tâm tư, tình cảm của tác giả.

Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác, miễn hợp lí, thuyết phục.

Câu 3 (0.5 điểm)

Câu 3. Xác định cách giải thích nghĩa của từ “ngan ngát” trong văn bản.

(0,5đ)

Phương pháp:

Phân tích nghĩa của từ dựa trên ngữ cảnh văn bản

Lời giải chi tiết:

- Học sinh chỉ ra nghĩa của từ “ngan ngát” được giải thích trong tác phẩm: Ngan ngát: (mùi thơm) dễ chịu và lan toả ra xa.

- Học sinh xác định cách giải thích nghĩa của từ: phân tích nội dung nghĩa của từ.

Câu 4 (0,5 điểm)

Câu 4. Phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ được dùng trong đoạn (4).

(0,5đ)

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn 4

Nhớ lại kiến thức về biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết:

- Học sinh chỉ ra biện pháp tu từ: biện pháp liệt kê (đồng ruộng, mồ hôi ba, niềm vui mùa lúa trúng, nỗi buồn nơi khoé mắt mẹ), điệp từ “mùi”.

- Tác dụng: Tùy theo từng biện pháp tu từ, học sinh trình bày tác dụng khác nhau, song cần đáp ứng được các ý sau:

+ Giúp tăng sức gợi hình, gợi cảm cho văn bản; tạo nên giọng điệu tha thiết, nhớ thương.

+ Nhấn mạnh ý mà tác giả muốn biểu đạt: những kỉ niệm thân thương gắn với mùi thơm, mùi hương thơm bao hàm tất cả những mùi hương khác của quê hương, gia đình; nhấn mạnh sự khắc sâu, không phai mờ của mùi thơm trong tâm trí tác giả.

Câu 5 (1 điểm)

Câu 5. Xác định chủ đề của văn bản. Em nhận xét như thế nào về chủ đề ấy?
(1đ)

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản và suy ra chủ đề

Nêu quan điểm của bản thân

Lời giải chi tiết:

- Chủ đề của văn bản: Từ việc tái hiện những kí ức thân thương với cánh đồng, mùi thơm rạ quê hương; tác giả bộc lộ tình yêu thương, nỗi nhớ mong kỉ niệm xưa, đồng thời gián tiếp bộc lộ tình yêu quê hương, đất nước.

- Học sinh nhận xét về chủ đề. Chẳng hạn: Việc chọn lựa một mùi hương thân thuộc mà bình dị của đồng quê như mùa rơm rạ làm trung tâm của bài viết thay vì những gì cao cả, lớn lao là một cách độc đáo để thể hiện tình yêu quê hương. Qua những sự vật gần gũi, nhỏ bé, ta càng thấy được người viết gắn bó với quê hương sâu sắc, yêu quê hương từ những gì bình dị nhất.

Câu 6 (1 điểm)

Câu 6. Em có đồng ý với quan điểm của tác giả rằng: những ký ức “chỉ tạm lắng lại trong tâm thức mỗi người” bởi “đã là tuổi thơ, là quê hương thì làm sao mà quên cho được”? Vì sao? (1đ)

Phương pháp:

Nêu quan điểm của bản thân và đưa ra lý giải hợp lý

Lời giải chi tiết:

- Học sinh trả lời đồng ý hay không.

- Học sinh lí giải lựa chọn của bản thân. Có thể lí giải theo nhiều cách, miễn hợp lí, thuyết phục.

II. VIẾT (6 điểm)

Câu 1. Trong văn bản, tác giả đã gửi vào ký ức tuổi thơ “những khát khao, những ước mơ” để “thấy ấm áp, góp nhặt yêu thương cho riêng mình”. Còn

với em, kí ức tuổi thơ có ý nghĩa gì trong cuộc sống con người? Hãy viết câu trả lời bằng đoạn văn từ 8 – 10 dòng. (2đ)

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức phân tích ở trên

Dựa vào kĩ năng viết đoạn văn

Lời giải chi tiết:

- Học sinh nêu được ý nghĩa của kí ức tuổi thơ với cuộc sống con người.
- Học sinh phân tích, lí giải được các ý nghĩa ấy. (Vì sao kí ức tuổi thơ lại mang đến những ý nghĩa đó?)
- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp.

Câu 2. (4đ)

Tình huống: Em tham gia vào chiến dịch Hoa phượng đỏ trong đội hình “Truyền thông 4.0”. Trong buổi ra mắt của đội, mỗi thành viên phải trình bày quan điểm của mình về “Trách nhiệm của giới trẻ trong thời đại 4.0”.

Nhiệm vụ: Hãy viết một bài văn nghị luận về một trách nhiệm mà em cho là quan trọng nhất đối với người trẻ trong thời đại 4.0.

Phương pháp giải

Dựa vào kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết

Tình huống: Em tham gia vào chiến dịch Hoa phượng đỏ trong đội hình “Truyền thông 4.0”. Trong buổi ra mắt của đội, mỗi thành viên phải trình bày quan điểm của mình về “Trách nhiệm của giới trẻ trong thời đại 4.0”.

Nhiệm vụ: Hãy viết một bài văn nghị luận về một trách nhiệm mà em cho là quan trọng nhất đối với người trẻ trong thời đại 4.0.

Phần chính	Điểm	Nội dung cụ thể
Mở bài	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận: một trách nhiệm mà học sinh cho là quan trọng nhất đối với người trẻ trong thời đại 4.0. - Nêu khái quát được quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận.
Thân bài	2,5	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vấn đề cần bàn luận: Học sinh giải thích trách nhiệm mình chọn lựa là gì; nêu một số biểu hiện của trách nhiệm ấy trong thời đại 4.0. - Trình bày được hệ thống luận điểm thể hiện quan điểm của người viết. + Học sinh trình bày ít nhất 02 luận điểm; các luận điểm tạo thành một hệ thống, triển khai các phương diện của vấn đề. + Hệ thống luận điểm giúp thể hiện được quan điểm của người viết đã nêu ở mở bài. - Nêu được lí lẽ thuyết phục, đa dạng để làm sáng tỏ luận điểm: Các lí lẽ học sinh nêu ra phải thuyết phục, đa dạng. Có thể đáp ứng một số tiêu chí sau: (1) Soi chiếu vấn đề trên nhiều khía cạnh; (2) có những cơ sở vững chắc (từ lí thuyết và thực tiễn); (3) lập luận chặt chẽ. - Nêu được bằng chứng đầy đủ, phù hợp, xác đáng để làm sáng tỏ lí lẽ: <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh có nêu được bằng chứng phù hợp với lí lẽ; + Học sinh có phân tích bằng chứng để làm sáng tỏ lí lẽ;

		<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi với các ý kiến trái chiều một cách hợp lí: + Học sinh nêu ra được ít nhất 01 ý kiến trái chiều. + Học sinh trao đổi với ý kiến trái chiều một cách hợp lí.
Kết bài	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại quan điểm của bản thân. - Đề xuất giải pháp, bài học phù hợp.
Yêu cầu khác	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Có mở bài, kết bài gây ấn tượng. - Diễn đạt rõ ràng, rành mạch, không mắc lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp: + Diễn đạt rõ ràng, rành mạch; + Không mắc lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp.